HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 89 /2013/NQ-HĐND	*Hà Giang, ngày 26 tháng 4 năm 2013*

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi hỗ trợ các sáng lập viên Hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Giang

SỞ TT&TT TỈNH HÀ GIANG
CÔNG VĂN ĐẾN Số: 1003
Ngày 04/5/13

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHOÁ XVI - KỲ HỌP THỨ BẢY (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số: 88/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ Về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số: 66/2006/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về chế độ tài chính hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của Hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số: 173/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của Hợp tác xã;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 34 /TTr-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc Quy định mức hỗ trợ các sáng lập viên Hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang đã thảo luận và nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi hỗ trợ các sáng lập viên Hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Giang như sau:

1. Nội dung chi và mức chi: (Có phụ lục đính kèm).

2. Nguồn kinh phí để thực hiện chi hỗ trợ:

Bố trí từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu hàng năm; trường hợp phát sinh không đủ kinh phí, địa phương đảm bảo từ nguồn ngân sách theo phân cấp và nguồn hợp pháp khác.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2013.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao cho Thường trực HĐND, các Ban HĐND, đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVI, Kỳ họp thứ Bảy (chuyên đề) thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2013 ./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPOL - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh HG;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQ VN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Trung tâm TT - VP Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh;
- Chuyên viên HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Vương Mí Vàng

PHỤ LỤC

MỨC CHI HỖ TRỢ CÁC SÁNG LẬP VIÊN HỢP TÁC XÃ CHUẨN BỊ THÀNH LẬP, CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CỦA HỢP TÁC XÃ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 89/2013/NQ-HĐND ngày 26/4/2013 của HĐND tỉnh)

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi của tỉnh	Ghi chú
I	**Hỗ trợ khuyến khích thành lập Hợp tác xã**			Hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ
1	***Chi tổ chức các lớp hướng dẫn tập trung theo nhóm ngành, nghề hoặc theo khu vực huyện, xã với thời gian không quá 5 ngày, bao gồm:***			Một buổi giảng được tính bằng 4 giờ làm việc
1.1	Thù lao giảng viên, báo cáo viên, phụ cấp tiền ăn, tiền phương tiện đi lại, thuê phòng nghỉ cho giảng viên			
a	Thù lao giảng viên, báo cáo viên			
	+ Giảng viên, báo cáo viên cấp cục, vụ, viện ở TW và UVBTV, BCH Đảng bộ tỉnh; Trưởng các Sở, ngành và tương đương	đồng/người/buổi	400.000	
	+ Giảng viên, báo cáo viên là chuyên viên cấp tỉnh, bộ, cơ quan TW, Phó các sở, ban, ngành cấp tỉnh.	đồng/người/buổi	300.000	
	+ Giảng viên, báo cáo viên là chuyên viên cấp huyện.	đồng/người/buổi	200.000	
	+ Giảng viên, báo cáo viên là chuyên viên cấp xã	đồng/người/buổi	120.000	
b	Chi phí đi lại, ăn, ở cho giảng viên (nếu có)		Quy định của tỉnh	Nghị quyết số 40/2010/NQ-HĐND
1.2	Chi nước uống cho học viên	đồng/người/ngày	7.000	

1.3	Chi phí khác trực tiếp liên quan đến tổ chức lớp	đồng/người/ngày	Thực tế	Có hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ
2	***Chi tuyên truyền phổ biến kiến thức về HTX***			Trong dự toán được giao
2.1	Chi phổ biến kiến thức, thông tin về HTX trên phương tiện thông tin đại chúng.		Mức nhuận bút hoặc giá dịch vụ quảng cáo của cơ quan thông tin đại chúng	Theo quy định hiện hành
2.2	Chi biên soạn, in ấn tài liệu phổ biến, tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về HTX			
	- Biên soạn tài liệu mới trên cơ sở tài liệu khung hoặc các văn bản của Nhà nước	đồng/trang tiêu chuẩn	25.000	Theo Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính
	- Phô tô, in ấn tài liệu		Thực tế	Có hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ.
3	***Chi tư vấn trực tiếp đối với sáng lập viên, đại diện HTX chuẩn bị thành lập về: Kiến thức về HTX; xây dựng điều lệ HTX; Hoàn thiện các thủ tục để thành lập, đăng ký kinh doanh, phương hướng sản xuất kinh doanh và kế hoạch hoạt động của HTX***			
3.1	Chi bồi dưỡng đối với cán bộ công chức nhà nước được cơ quan cử thực hiện nhiệm vụ tư vấn	đồng/1 buổi	50.000 đến 70.000	Tuỳ theo tính chất phức tạp của nội dung tư vấn (01 buổi tính 04 giờ làm việc)
3.2	Đối với hướng dẫn viên, cộng tác viên không phải là cán bộ, công chức:			Hướng dẫn trực tiếp
	- Chi thù lao	đồng/1 giờ	15.000	
.	- Hỗ trợ chi phí đi lại:	đồng/1 ngày		

	+ Trường hợp tư vấn đi, về trong ngày		15.000	
	+ Trường hợp địa điểm tư vấn cách xa nơi ở không đi và về được trong ngày		Quy định của tỉnh	Theo Nghị quyết số: 40/2010/HĐND ngày 11/12/2010 của HĐND tỉnh
II	**Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng các đối tượng của Hợp tác xã**			
1	***Đối với các chức danh trong Ban quản trị, Ban chủ nhiệm, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng với thời gian tối đa cho một khóa đào tạo, bồi dưỡng là 7 ngày, bao gồm:***			
1.1	Hỗ trợ tiền vé tàu, xe đi và về cho học viên (bao gồm vé đò nếu có) bằng phương tiện giao thông công cộng (trừ máy bay) từ trụ sở Hợp tác xã đến cơ sở đào tạo	đồng	Mức bằng phương tiện giao thông công cộng	Trong dự toán được duyệt
	- Tuyến đường không có phương tiện vận tải công cộng đến nơi đào tạo từ 10 km trở lên đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và 15 km trở lên đối với vùng còn lại được thanh toán theo số km thực đi	đồng/km	2.000	Theo quy định hiện hành
1.2	Hỗ trợ mua giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ chương trình khoa học *(không bao gồm tài liệu tham khảo*)	đồng	Thực tế	Có chứng từ theo quy định hiện hành
2	***Hỗ trợ chi phí cho cơ quan tổ chức lớp học***			Trong dự toán được giao
2.1	Tiền thuê hội trường, phòng học (nếu có)	đồng	Thực tế	Có hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ.
2.2	Chi in chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận	đồng/học viên đạt yêu cầu	10.000	Là mức chi tối đa; Có hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ.

2.3	Chi văn phòng phẩm, thuê phương tiện, trang thiết bị giảng dạy (nếu có)	đồng	Thực tế	Có hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ
2.4	Thù lao giảng viên, báo cáo viên, phụ cấp tiền ăn, tiền phương tiện đi lại, thuê phòng nghỉ cho giảng viên	đồng	Theo quy định tại tiết 1.1 điểm 1, mục I trên	
2.5	Chi nước uống cho học viên	đồng/người/ngày	7.000	
2.6	Chi tổ chức tham quan, khảo sát thuộc chương trình khóa học	đồng/học viên/ khóa học	Tối đa không quá 150,000	Được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ sở đào tạo được chi trả tiền thuê xe và các chi phí liên hệ; có chứng từ theo quy định hiện hành
2.7	Biên soạn tài liệu mới trên cơ sở tài liệu khung hoặc các văn bản của Nhà nước	đồng/trang tiêu chuẩn	25.000	Theo Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính
2.8	- Đối với đối tượng là các chức danh thuộc HTX nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, nghề muối và hoạt động dịch vụ có liên quan theo Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.		50% chi phí ăn, ở theo thực tế nơi tổ chức đào tạo	Nhưng không quá mức quy định Nghị quyết số 40/2010/NQ-HĐND và trong phạm vi dự toán được giao
3	***Xã viên làm công việc chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của HTX khi được HTX cử đi đào tạo (chính quy hay tại chức) tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 4 điều 4 Nghị định số 88/2005/NĐ-CP***		**60%**	Học viên xuất trình chứng từ thu học phí của cơ sở đào tạo